

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU**  
**GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**  
Tỉnh **NINH BÌNH**



## **TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 10**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình  
Sở Giáo dục và Đào tạo

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
<b>Chủ đề 1. DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ TỈNH NINH BÌNH .....</b>	<b>5</b>
<b>Chủ đề 2. NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH .....</b>	<b>31</b>
Bài 1. Nguồn lực về tự nhiên và kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình .....	32
Bài 2. Thực hành: Viết báo cáo về ảnh hưởng của nguồn lực đến sự phát triển một ngành kinh tế ở địa phương.....	46
<b>Chủ đề 3. CA DAO – DÂN CA NINH BÌNH .....</b>	<b>47</b>
Bài 1. Dân ca Ninh Bình.....	47
Bài 2. Ca dao Ninh Bình.....	52
<b>Chủ đề 4. THƠ TRUNG ĐẠI NINH BÌNH .....</b>	<b>54</b>
Bài 1. <i>Tam quá Hải Vân</i> .....	54
Bài 2. <i>Xuân</i> .....	58
<b>Chủ đề 5. SỰ CHUYỂN DỊCH NGHỀ NGHIỆP VÀ LAO ĐỘNG Ở TỈNH NINH BÌNH DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ .....</b>	<b>61</b>
<b>Chủ đề 6. NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH TỈNH NINH BÌNH .....</b>	<b>73</b>
Bài 1. Phát triển nông nghiệp thông minh ở Ninh Bình .....	73
Bài 2. Một số mô hình nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình .....	78
<b>Bảng giải thích thuật ngữ .....</b>	<b>84</b>
<b>Bản quyền/nguồn hình ảnh.....</b>	<b>84</b>
<b>Danh mục từ tra cứu .....</b>	<b>84</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Cuốn Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 10 sẽ đồng hành cùng các em khám phá lịch sử, truyền thống, văn hoá và những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội... đang diễn ra trên mảnh đất quê hương.

Tài liệu được biên soạn với cấu trúc và nội dung hợp lí, gồm 6 chủ đề:

- Di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình
- Nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình
- Ca dao – dân ca Ninh Bình
- Văn học trung đại tỉnh Ninh Bình
- Sự chuyển dịch nghề nghiệp và lao động ở tỉnh Ninh Bình dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- Nông nghiệp thông minh ở tỉnh Ninh Bình

Cùng với các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 10 sẽ góp phần giúp các em phát triển toàn diện các năng lực, phẩm chất cần có. Từ những hiểu biết về nơi mình đang sống, các em sẽ tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá, thêm yêu và đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của quê hương mình.

Hi vọng rằng, tài liệu sẽ mang đến cho các em nhiều điều bổ ích và thú vị về những nét đặc trưng của vùng đất cố đô văn hiến. Chúc các em có những giờ học tập thật vui vẻ và hiệu quả.

Hãy yêu và gìn giữ cuốn sách này, các em nhé!

**BAN BIÊN SOẠN**

## Chủ đề 1

# DI TÍCH LỊCH SỬ – VĂN HOÁ TỈNH NINH BÌNH

### Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những vấn đề chung về di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình: khái niệm, phân loại và xếp hạng, giá trị, đặc điểm.
- Trình bày được giá trị và ý nghĩa của một số di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.
- Thực hiện được một dự án/sản phẩm học tập về di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu ở địa phương.
- Có thái độ trân trọng giá trị của di tích lịch sử – văn hoá và đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích.

### A. KHỞI ĐỘNG

Mỗi vùng đất đều mang trong mình những câu chuyện, những kí ức được lưu giữ qua hàng trăm, hàng nghìn năm. Di tích lịch sử – văn hoá chính là những “trang sử sống” kể lại những câu chuyện đó, là cầu nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, đồng thời định hình nên bản sắc văn hoá riêng biệt của mỗi địa phương. Ninh Bình là vùng đất có bề dày lịch sử – văn hoá lâu đời, nơi lưu giữ nhiều di tích gắn với các triều đại phong kiến, các danh nhân lịch sử và những giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc. Những di tích ấy không chỉ phản ánh quá trình hình thành và phát triển của quê hương mà còn là minh chứng sinh động cho truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết và bản sắc văn hoá của cộng đồng cư dân nơi đây.



(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)



(Nguồn: Ninh Mạnh Thắng)



(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

Hình 1.1. Một số di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình

1. Em nhận diện được những di tích nào trong các hình ảnh trên?
2. Theo em, vì sao cần bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương?

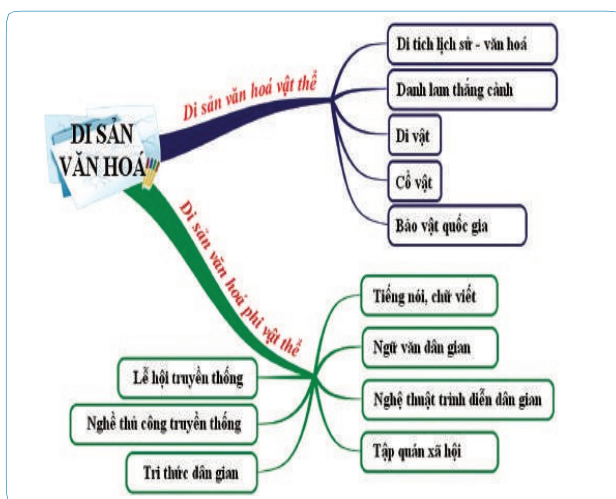
## B. KHÁM PHÁ

### 1. Tìm hiểu về di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình

#### 1.1. Khái quát chung về di tích lịch sử – văn hoá

##### a) Khái niệm

Di tích lịch sử – văn hoá là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học (*Luật Di sản văn hoá 2024*). Di tích lịch sử – văn hoá là một bộ phận của di sản văn hoá, thuộc loại hình di sản văn hoá vật thể.



Hình 1.2. Sơ đồ phân loại di sản văn hoá

(Nguồn: Hoàng Thị Thuỷ)



Hình 1.3. Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ (phường Tây Hoa Lư)

(Nguồn: Hoàng Thị Thuỷ)

*Di tích* là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử<sup>1</sup>.

*Di vật* là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học<sup>2</sup>.

*Cổ vật* là di vật có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ 100 năm tuổi trở lên<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt 2006*, NXB Đà Nẵng.

<sup>2,3</sup> Khoản 6, 7, Điều 3, *Luật Di sản văn hoá*, số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024.

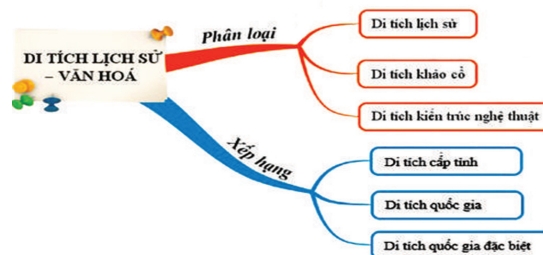
*Bảo vật quốc gia* là cổ vật, di vật có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học<sup>1</sup>.

Trên cơ sở phân biệt các khái niệm “di tích”, “di vật”, “cổ vật”, “bảo vật quốc gia”, hãy lấy ví dụ minh hoạ cụ thể ở tỉnh Ninh Bình cho từng loại.

### b) Phân loại và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá

Theo Điều 21, *Luật Di sản văn hoá 2024*, di tích lịch sử – văn hoá được phân chia thành ba loại hình cơ bản: Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, lịch sử, văn hoá, di tích lưu niệm danh nhân); Di tích khảo cổ; Di tích kiến trúc nghệ thuật.

Về xếp hạng, theo Điều 24, *Luật Di sản văn hoá 2024*, di tích được chia thành: Di tích cấp tỉnh (di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương); Di tích quốc gia (di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia); Di tích quốc gia đặc biệt (di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia).



**Hình 1.4. Sơ đồ phân loại và xếp hạng di tích lịch sử – văn hoá (Theo Luật Di sản văn hoá 2024)**  
(Nguồn: Hoàng Thị Thuý)

### c) Giá trị của di tích lịch sử – văn hoá

Di tích lịch sử – văn hoá là những dấu vết vật chất được các thế hệ đi trước để lại, không thể tái tạo hoặc khôi phục khi đã bị mai một. Do vậy, di tích lịch sử – văn hoá là bằng chứng, là nguồn sử liệu chân thực, giúp những người đang sống có thể hiểu biết về quá khứ đã qua.

Di tích lịch sử – văn hoá còn là sự kết tinh tài năng và trí tuệ của con người, là những biểu hiện cụ thể về bản sắc văn hoá của mỗi cộng đồng, dân tộc. Bên cạnh đó, di tích lịch sử – văn hoá là phương tiện giao lưu văn hoá giúp nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cộng đồng, dân tộc.

**Em có biết:** Những giá trị nổi bật của di tích lịch sử – văn hoá đã đóng góp to lớn vào việc phát triển kinh tế nói chung của tỉnh Ninh Bình. Năm 2021, Tỉnh uỷ Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030, định hướng đến năm 2045. Trong đó nêu rõ quan điểm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng của tỉnh.

(Nguồn: Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch), Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình, Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2020)

<sup>1</sup> Khoản 8, Điều 3, *Luật Di sản văn hoá*, số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024.

*Em hãy lấy một ví dụ về di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình, cho biết di tích đó thuộc loại hình nào và trình bày những giá trị nổi bật của di tích.*

## 1.2. Khái quát di tích lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình nằm ở vùng Đồng bằng sông Hồng. Vùng đất này có vị trí giao thoa giữa núi, đồng bằng và biển, với hệ thống sông ngòi dày đặc như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long,... Điều kiện tự nhiên đa dạng, giàu tài nguyên đã tạo nên tảng cho cư dân sinh sống từ rất sớm và hình thành nhiều di tích lịch sử – văn hoá nổi tiếng.

Địa hình nổi bật ở phía tây là vùng núi đá vôi hùng vĩ. Bên cạnh đó, vùng đồng bằng được phù sa bồi đắp màu mỡ, thuận lợi cho nông nghiệp và phát triển làng nghề, tín ngưỡng. Đây là nơi giao thoa, tiếp nối của văn minh sông Hồng, văn minh sông Mã; là sự hoà quyện của ba dòng chảy văn hoá: văn hoá Hoa Lư, văn hoá Thiên Trường và văn hoá vùng chiêm trũng núi Đọi sông Châu.

Với điều kiện thuận lợi đó, vùng đất Ninh Bình sở hữu nhiều di tích và danh lam thắng cảnh gắn liền với lịch sử, văn hoá lâu đời, thể hiện ở các “trục di sản” huyết mạch:

- Trục di sản vương triều: Cố đô Hoa Lư – Hành cung Thiên Trường.
- Trục di sản tâm linh: Phủ Dầy – Quần thể Tam Chúc – Chùa Đọi Sơn – Chùa Bái Đính – Nhà thờ đá Phát Diệm.
- Trục di sản kháng chiến và kho tàng: Đền Trần Thương – Cột cờ Nam Định – Hệ thống phòng tuyến Tam Điệp.

Tính đến tháng 12 – 2025, tỉnh Ninh Bình có 5.074 di tích với 1.106 di tích được xếp hạng, trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt, 264 di tích quốc gia, 832 di tích cấp tỉnh, 01 di sản được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới, 01 di sản được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể<sup>1</sup>.

**Bảng 1.1. Danh sách di tích quốc gia đặc biệt của tỉnh Ninh Bình**

STT	Tên di tích	Địa điểm	Năm xếp hạng	Loại hình
1	Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư, gồm: Khu vực núi đá Trường Yên và đền vua Đinh, vua Lê	Phường Tây Hoa Lư	2012	Lịch sử

<sup>1</sup> Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình, tháng 12/2025.

STT	Tên di tích	Địa điểm	Năm xếp hạng	Loại hình
2	Quần thể danh thắng Tràng An – Tam Cốc – Bích Động	Phường Hoa Lư	2012	Danh lam thắng cảnh
3	Đền Trần và chùa Phổ Minh	Phường Nam Định	2012	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
4	Đền Trần Thương	Xã Trần Thương	2015	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Keo Hành Thiện, gồm chùa Keo trong và chùa Keo ngoài	Xã Xuân Hồng	2016	Kiến trúc – nghệ thuật
6	Chùa Đọi Sơn	Phường Tiên Sơn	2017	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
7	Núi Non Nước	Phường Hoa Lư	2020	Lịch sử và danh lam thắng cảnh
8	Đền Xám	Phường Hồng Quang	2025	Kiến trúc – nghệ thuật
9	Chùa Cổ Lễ	Xã Cổ Lễ	2025	Lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật
10	Danh lam thắng cảnh và khảo cổ Quần thể Tam Chúc	Phường Tam Chúc	2025	Danh lam thắng cảnh và khảo cổ

(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình, tháng 12/2025)

1. Trình bày cơ sở hình thành những di tích, danh thắng của tỉnh Ninh Bình.
2. Nhận xét về số lượng, địa bàn phân bố các di tích, thắng cảnh của tỉnh Ninh Bình.

## 2. Các di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu

### 2.1. Các di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu

#### a) Quần thể di tích Phủ Dầy

Quần thể di tích Phủ Dầy tọa lạc trên một vùng đồng bằng trù phú vốn có tên cổ là Kẻ Dầy (hay gò Bánh Dầy) thuộc xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình.



**Hình 1.5. Phủ Vân Cát thuộc quần thể di tích Phủ Dầy (xã Vụ Bản)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

**Em có biết:** Phủ Dầy còn có các tên gọi khác là phủ Giây, phủ Giày với nhiều cách giải thích khác nhau. “Phủ” chỉ dinh cơ của các vương công, quý tộc; còn “Dầy” do ở đây vốn là ngôi làng cổ có tên Kẻ Dầy. Cũng có thể là do trước cửa phủ có gò đất nổi lên hình bánh dầy. Có truyền thuyết giải thích rằng, Bà Chúa Liễu Hạnh trước khi về thượng giới đã để lại một chiếc giày ở trần gian. Nhà vua đi ngang qua vùng này được tặng một đôi giày nên đã lập nơi thờ tự gọi là phủ Giày.

Phủ Dầy là quần thể di tích tín ngưỡng dân gian thuần Việt, được mệnh danh là “kinh đô” của Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ – một loại hình tín ngưỡng bản địa có sức sống mãnh liệt, đề cao hình tượng người Mẹ với khát vọng hướng thiện và sự bình an cho nhân thế. Giá trị của quần thể di tích không chỉ nằm ở hệ thống kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, được Nhà nước xếp hạng là di tích cấp Quốc gia từ năm 1975 mà còn là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại (Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016). Di tích gắn liền với sự tích về lần giáng sinh thứ hai của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một trong “Tứ bất tử” của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.



**Hình 1.6. Phủ Tiên Hương thuộc quần thể di tích Phủ Dầy (xã Vụ Bản)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)



**Hình 1.7. Nghi lễ hầu đồng tại Phủ Dầy (xã Vụ Bản)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

Hệ thống kiến trúc tại quần thể di tích Phủ Dầy mang đậm tính tôn giáo, là những kiệt tác nghệ thuật được xây dựng, tu sửa công phu qua các triều đại Lê Trung hưng và Nguyễn, trong đó nổi bật là ba di tích:

– Phủ Tiên Hương (Phủ Chính) được xây dựng từ thời Lê Cảnh Trị (1663 – 1671) có quy mô bề thế nhất với 19 toà và 81 gian lớn nhỏ. Phủ được xây theo kiểu “nội trùng thiềm, ngoại chữ quốc” mang đậm dấu ấn nghệ thuật thời Nguyễn, mặt quay về hướng Tây Nam nhìn ra dãy núi Tiên Hương. Điểm nhấn kiến trúc là toà phương du (lầu vọng nguyệt) và hồ bán nguyệt với hai cây cầu đá chạm rồng tinh xảo.

– Phủ Vân Cát tương truyền được xây dựng trên nền nhà cũ của Thánh Mẫu, nơi bà giáng sinh lần thứ hai, gồm 7 toà với 30 gian lớn nhỏ và cũng có 4 cung như ở phủ Tiên Hương. Kiến trúc nơi đây nổi bật với cửa Ngọ môn 5 gác lầu uy nghi và nhà thủy lâu giữa hồ bán nguyệt. Phủ Vân Cát thể hiện sự hoà hợp tín ngưỡng, trung tâm là nơi thờ chúa Liễu, bên trái là chùa thờ Phật, bên phải là đền thờ Lý Nam Đế.

– Lăng Mẫu (lăng Liễu Hạnh) là nơi an nghỉ của Mẫu Liễu Hạnh, hoàn thành vào năm 1938, là một công trình kiến trúc lăng mộ bằng đá độc nhất vô nhị của nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn. Toàn bộ lăng được xây bằng đá xanh chạm trổ cầu kì. Giữa lăng là ngôi mộ bát giác, bao quanh là 60 búp sen đá hồng, gợi hình ảnh một đầm sen thanh tịnh giữa đời thường.

Lễ hội Phủ Dầy diễn ra từ ngày mùng 1 đến mùng 10 tháng Ba âm lịch hàng năm, trong đó ngày mùng 3 (ngày giỗ Mẫu) là quan trọng nhất với nhiều hoạt động đặc sắc: lễ rước đuốc, hội hoa trượng (kéo chữ),... và đặc biệt là nghi lễ hầu đồng – hình thức diễn xướng tâm linh kết hợp âm nhạc, vũ đạo và trang phục truyền thống độc đáo.

1. Nguồn gốc tên gọi “Phủ Dầy” có những cách giải thích nào?
2. Tóm tắt những thông tin chính về các di tích tiêu biểu trong quần thể di tích Phủ Dầy về các nội dung: tên gọi, thời gian xây dựng, nét đặc sắc về kiến trúc.
3. Tại sao nói quần thể di tích Phủ Dầy là không gian tín ngưỡng dân gian thuần Việt?

### **b) Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư**

Năm 2012, khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cố đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư) được xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt. Trong lịch sử, khu vực này từng là kinh đô của ba vương triều (Đinh, Tiền Lê và đầu triều Lý), với sáu vị vua: Đinh Tiên Hoàng, Đinh Phế Đế, Lê Đại Hành, Lê Trung Tông, Lê Long Đĩnh và Lý Thái Tổ.

Những dấu tích lịch sử – văn hoá hiện còn tại khu vực di tích rất phong phú và đa dạng, bao gồm hệ thống kiến trúc thờ tự, tường thành, hoàng thành, hang

động và một số công trình khác. Khu vực trung tâm của di tích chính là đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành. Các đền này được xây dựng trên nền cung điện xưa, ngay sau khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Đại La (Thăng Long), đều quay về hướng bắc. Từ thế kỉ XVII, hai đền thờ được xây dựng và trùng tu lại, quay về hướng đông như hiện tại.



**Hình 1.8. Sơ đồ khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Cổ đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư)**

(Nguồn: Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử – văn hoá Cổ đô Hoa Lư)

Trước đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có núi Mã Yên làm bình phong, phía sau đền có dãy núi Phi Vân làm chỗ dựa. Kiến trúc chính của đền gồm: ngọc môn quan (cổng ngoài), nghi môn ngoại (cửa ngoài), nghi môn nội (cửa trong), sân rồng, nhà Khải Thánh thờ thân phụ và thân mẫu vua Đinh, bái đường, thiêu hương thờ các quan và các vị công thần của nhà Đinh, chính cung, nhà bia, sân vườn,...



**Hình 1.9. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (phường Tây Hoa Lư)**

(Nguồn: Hoàng Thị Thuỷ)

Đền thờ vua Lê Đại Hành gồm các hạng mục chính: bái đường, thiêu hương và chính cung. Kiến trúc bái đường gồm 5 gian, mang

phong cách kiến trúc thời Hậu Lê. Tại đây có đôi câu đối ca ngợi sự nghiệp “kháng Tống, bình Chiêm” của nhà vua:

Phiên âm:

*Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh  
Tống cường Chiêm thử nhật;*

*Tinh linh tôn thiên cổ, Long  
giang Mã trực chi gian.*

Dịch nghĩa:

*Thần vũ động bốn bên, trong  
lúc Chiêm cường Tống thịnh;*

*Thiên linh còn muôn thuở,  
trong vùng núi Mã, sông Long.*

Toà giữa là thiêu hương thờ các công thần của nhà Lê. Trong cùng là chính cung có đặt tượng vua Lê Đại Hành, gian bên trái đặt tượng Thái hậu Dương Vân Nga (Dương thị), gian bên phải đặt tượng vua Lê Long Đĩnh. Trong khu vực này còn có một số hạng mục kiến trúc khác như: sập đá, nghi môn ngoại, từ vũ, nghi môn nội, sân rồng, nhà vọng, hai nhà bia.

Trong khu di tích Cố đô Hoa Lư còn những di tích nổi tiếng khác như: chùa và động Am Tiên – tương truyền là ngục đá nhốt hổ dữ để trị kẻ có tội từ thời nhà Đinh, chùa Nhất Trụ – nơi lưu giữ cột kinh cổ nhất Việt Nam, lăng vua Đinh và lăng vua Lê,...

Hiện nay, trong khu vực Cố đô Hoa Lư còn lưu giữ được 678 di vật, cổ vật có giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học; trong đó có 4 bảo vật quốc gia là: Cột kinh Phật chùa Nhất Trụ, Long sàng trước Nghi môn ngoại và trước Bái đường đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Bộ Phủ Việt đền thờ vua Lê Đại Hành. Hằng năm, cứ vào tháng Ba âm lịch, nhân dân lại mở lễ hội để tưởng nhớ vua Đinh Tiên Hoàng và các bậc đế vương. Lễ hội

**Em có biết:** Ở giữa Bái đường của đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có bức đại tự đề ba chữ sơn son thếp vàng: “Chính thống thủy” (nghĩa là mở đầu nên chính thống) ca ngợi công lao của Đinh Tiên Hoàng để trong việc thống nhất đất nước, đặt nền móng cho nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên ở Việt Nam. Hai cột giữa có đôi câu đối thể hiện niềm tự hào về nhà nước Đại Cổ Việt và Kinh đô Hoa Lư:

“Cổ Việt quốc đương Tống Khai Bảo Hoa Lư đô thị Hán Tràng An”.

Nghĩa là:

“Nước Cổ Việt ngang với nhà Tống niên hiệu Khai Bảo Kinh đô Hoa Lư như kinh đô Tràng An thời nhà Hán”.



**Hình 1.10. Đền thờ vua Lê Đại Hành  
(phường Tây Hoa Lư)**

(Nguồn: Hoàng Thị Thủy)

Trường Yên (nay là lễ hội Hoa Lư) là lễ hội có quy mô lớn nhất ở tỉnh Ninh Bình. Ngoài phần tế lễ, ở đây có các hoạt động văn hoá đặc trưng, đặc biệt là lễ rước nước, tế cầu khúc, diễn tích cờ lau tập trận và kéo chũ Thái Bình.

1. Giải thích tại sao vua Đinh Tiên Hoàng chọn vùng đất Tây Hoa Lư làm nơi định đô?
2. Trình bày cấu trúc của Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư. Di tích này có giá trị lịch sử như thế nào?

### c) Khu di tích Đền Trần

Khu di tích Đền Trần tọa lạc tại phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình. Đây chính là vùng đất Tức Mặc cổ xưa, nơi phát tích của vương triều Trần – một trong những triều đại huy hoàng nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

Khu di tích đã được Nhà nước xếp hạng là Di tích lịch sử và kiến trúc – nghệ thuật quốc gia đặc biệt vào năm 2012. Đền Trần không chỉ là nơi thờ phụng 14 vị vua Trần và công thần mà còn là biểu tượng của tinh thần tự lập, tự cường, sức mạnh đoàn kết dân tộc qua “Hào khí Đông A” lừng lẫy. Khu di tích Đền Trần được xây dựng trên nền Thái miếu và cung Trùng Quang, Trùng Hoa của Hành cung Thiên Trường xưa.

**Tư liệu:** “Đất Tức Mặc vốn là quê hương của các vua Trần, có miếu thờ tự ở đó, vào khoảng niên hiệu Thiên Ứng (1232 – 1250), Phùng Vương (Phùng Tá Chu) đốc suất công việc xây dựng trên nền nhà thờ cũ. Phía đông miếu có ngôi nhà cũ là nơi Hưng Đạo thân vương sống lúc sinh thời”

(Bia Nam Mặc miếu trạch bi kí dựng năm Duy Tân thứ 2 (1908) tại cổng đền)

**Em có biết:** Hương Tức Mặc là quê hương của các vua Trần. Sau khi giành được ngôi báu, vào năm 1262, vua Trần Thánh Tông đã thăng hương Tức Mặc lên thành phủ Thiên Trường, cho xây dựng các cung điện Trùng Quang (nơi ở của Thái thượng hoàng) và cung Trùng Hoa (nơi ngự của vua đương triều khi về chầu). Sau khi vương triều Trần suy vong và bị giặc Minh tàn phá, nhân dân đã xây dựng đền miếu trên nền cũ của các cung điện để tri ân công đức tổ tiên.

Đọc đoạn tư liệu trên và cho biết:

1. Thời gian và người có công xây dựng khu thờ tự các vua Trần và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.
2. Giới thiệu di tích thờ phụng Trần Hưng Đạo ở địa phương nơi em sinh sống (nếu có).

Khu di tích Đền Trần bao gồm ba công trình kiến trúc chính: đền Thiên Trường, đền Cố Trạch và đền Trùng Hoa, bố trí song song trên một trục đạo,

ngăn cách bởi các khoảng sân rộng. Cả ba ngôi đền đều có kiến trúc và quy mô tương tự nhau, được xây dựng theo kiến trúc truyền thống, mang đậm dấu ấn nghệ thuật thời Hậu Lê và thời Nguyễn. Mỗi đền gồm toà tiền đường 5 gian, toà trung đường 5 gian và toà chính tẩm 3 gian. Nối tiền đường và trung đường là thiêu hương và 2 gian tả, hữu vu. Toàn bộ di tích toạ lạc trên một địa thế cao ráo, rộng khoảng 8 ha, biệt lập với khu dân cư. Thế đất ở đây có dạng ngoạ long (rồng nằm). Theo thuyết phong thuỷ xưa thì đó là kiểu đất đẹp, thế phát vương.

– Đền Thiên Trường (Đền Thượng) được xây dựng trên nền cung Trùng Quang cổ, là nơi thờ bài vị của 14 vị vua Trần. Trước bái đường có bức đại tự “Chính thống thuỷ” khẳng định vương triều Trần là khởi đầu của nền chính thống độc lập, Thiên Trường là đất phát tích của triều Trần.

– Đền Cồ Trạch (Đền Hạ) toạ lạc phía Đông đền Thiên Trường. “Cồ Trạch” có nghĩa là “nền nhà cũ”, nơi đây tương truyền là nơi ở của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn lúc sinh thời. Đền thờ Đức Thánh Trần và gia quyến, gắn liền với những truyền thuyết về sự linh ứng giúp dân dẹp giặc, trừ tà.

– Đền Trùng Hoa được xây dựng trên nền cung Trùng Hoa xưa – nơi các đương kim hoàng đế nhà Trần về tham vấn các vị Thái thượng hoàng, được khánh thành năm 2000. Đây là nơi thờ 14 pho tượng các vua Trần đúc bằng đồng theo nguyên mẫu lịch sử.



**Hình 1.11. Cổng chính đền Trần  
(phường Nam Định)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*



**Hình 1.12. Lễ hội Khai ấn đền Trần  
(phường Nam Định)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*

Một trong những nét văn hoá độc đáo nhất gắn liền với di tích là Lễ Khai ấn đền Trần, được tổ chức trang trọng vào đêm 14, rạng sáng ngày 15 tháng Giêng âm lịch hằng năm, thu hút đông đảo nhân dân và du khách thập phương về tham dự. Nghi thức này có nguồn gốc từ việc các vua Trần thực hiện khai ấn để bắt đầu một năm làm việc mới của bộ máy hành chính sau kì nghỉ Tết. Ngày nay, lá ấn đền Trần được nhân dân trân trọng đón nhận như một biểu tượng của sự may mắn, bình an và thăng tiến.

Lễ hội tháng Tám âm lịch hằng năm được cử hành trọng thể trong ba ngày 19, 20, 21 tại đền Trần để kỉ niệm ngày mất của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Do vậy, trong dân gian vẫn còn truyền tụng câu phương ngôn “tháng Tám giỗ Cha”. Nghi thức tế lễ tại đền kỉ niệm ngày mất của ngài đã thu hút được đông đảo nhân dân từ nhiều nơi về dự, dâng nén tâm nhang tìm về chôn tở dòng họ Trần, tri ân công đức của Đức thánh Trần.

*Khu di tích Đền Trần có giá trị lịch sử, văn hoá gì?*

#### **d) Đền Trần Thương**

Đền Trần Thương thuộc xã Trần Thương, tỉnh Ninh Bình. Ngôi đền thờ vị anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng gia đình ông và các tướng lĩnh có công trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII). Vào thời Hậu Lê, khoảng thế kỉ XV – XVI, nhân dân địa phương đã xây dựng một ngôi đền trên nền kho lương cũ. Theo truyền thuyết dân gian và các dấu tích khảo cổ, nơi đây từng là kho lương thực quan trọng của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ hai (1285). Với vị trí giao thông thuận lợi, từ sông Châu có thể thông ra sông Hồng, ngược về Thăng Long hoặc xuôi ra biển, Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo đã chọn vùng đất này để đặt kho lương, phục vụ cho đại quân kháng chiến. Trong thời kì cách mạng (thế kỉ XX), Trần Thương là điểm đầu tiên tổ chức mít-tinh thành lập chính quyền mới.

Ngôi đền được xây dựng trên thế đất “hình nhân bái tướng” (tức là hình người), địa thế linh thiêng, hài hoà với thiên nhiên. Bố cục tổng thể gồm tam quan ngoại, sân đền, hệ thống cột đồng trụ, bình phong và khu nội tự. Tam quan được xây dựng bề thế, cửa chính hai tầng, tầng dưới cuốn vòm, tầng trên là gác chuông tám mái, trong treo chuông lớn. Hai cửa phụ trang trí hình ngựa, hoa sen; tường ngoài đắp voi châu, nghê châu, hoa văn truyền thống mang ý nghĩa cát tường.



**Hình 1.13. Nghi môn đền  
(xã Trần Thương)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*



**Hình 1.14. Mặt trước đền Trần Thương  
(xã Trần Thương)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*

Khu nội tự được thiết kế theo kiểu chữ “Quốc”, gồm tiền đường năm gian, hai dãy nhà khách chạy dọc, toà đệ nhị năm gian và hậu cung ba gian. Kiến trúc tiền đường mang phong cách chông rường, mái lợp ngói nam, treo các đại tự như “Phong vân trường hộ”, “Văn đức võ công”. Hậu cung là nơi linh thiêng nhất, thờ tượng Hưng Đạo Đại vương, được bài trí trang nghiêm, sơn son thếp vàng.

Đền Trần Thương hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật thờ tự có giá trị như ngai thờ, khám thờ, tượng Trần Hưng Đạo, hương án đá, rùa đá, nghệ đá và đặc biệt là kiếm bạc cổ, chỉ được đưa ra trong những dịp lễ trọng. Những mảnh gốm sứ mang phong cách nghệ thuật thời Trần được tìm thấy quanh khu vực đền càng góp phần khẳng định vai trò lịch sử của nơi đây.

Lễ hội đền Trần Thương được tổ chức hằng năm nhằm tưởng niệm Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc

Tuấn – vị anh hùng dân tộc có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên. Lễ hội chính diễn ra vào ngày 20 tháng Tám âm lịch, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hoá phi vật thể quốc gia vào năm 2017. Nét đặc sắc của lễ hội là tục phát lương Đức Thánh Trần vào dịp đầu xuân, gắn với truyền thống kho lương nhà Trần. Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã kí Quyết định xếp hạng đền Trần Thương là Di tích quốc gia đặc biệt.

**Em có biết:** Trong khám thờ đặt pho tượng Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Tượng cao 1m20 tạc trong tư thế ngồi, đầu đội mũ bình thiên trang trí lưỡng long châu nguyệt cùng với nhiều hoạ tiết sinh động. Gương mặt hiền từ, mắt nhìn thẳng, một tay cầm thẻ bài, một tay đặt trên gối. Trang trí trên y phục được thể hiện bằng những làn mây tản, sóng nước, mặt hồ phù, càng làm tăng thêm vẻ oai phong, đường bệ.

*Di tích đền Trần Thương mang những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ đặc biệt gì?*

### e) Cột cờ Nam Định

Cột cờ Nam Định (còn gọi là Kì đài) tọa lạc ở phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, nằm ở phía trước chùa Vọng Cung (xưa là điện Kính Thiên).

Được xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 1962, cột cờ Nam Định là một trong bốn kì đài lớn nhất cả nước được xây dựng dưới triều Nguyễn (cùng với Hà Nội, Huế và Bắc Ninh). Các cột cờ được xây dựng với chức năng chính là làm vọng canh (đài quan sát) và được coi là một phần trong hệ thống góc toà thành cổ thời Nguyễn. Di tích này là biểu tượng của tinh thần kháng chiến kiên cường của quân dân Thành Nam trong cuộc đối đầu với thực dân Pháp (thế kỉ XIX) và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (thế kỉ XX).

Cột cờ có tổng chiều cao 23,84 m, được xây bằng gạch Bát Tràng màu đỏ sẫm, chia làm ba phần chính:

– Phần bệ gồm 2 tầng dưới cùng, hình vuông, xây bằng gạch, có lan can bao quanh và các cửa vòm. Đây là nơi đặt bàn thờ anh hùng liệt nữ Nguyễn Thị Trinh (công chúa Giám thương) – người đã anh dũng hi sinh khi bảo vệ kho lương của thành vào năm 1873.

– Thân cột (tầng 3) xây hình bát giác, thu nhỏ dần lên trên. Bên trong có 54 bậc thang xoáy tròn ốc dẫn lên đỉnh vọng lâu và 36 ô cửa nhỏ thông gió.

– Vọng lâu có dạng hình trụ tròn trên đỉnh cột với bốn cửa vòm quay về bốn hướng chính, là nơi để quan sát và treo cờ. Từ đây có thể quan sát toàn bộ khu vực thành cổ và vùng lân cận từ trên cao.

Xưa kia, cột cờ đóng vai trò quan trọng trong việc quan sát thành trì và thông tin quân sự. Ngày nay, hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh Kì đài không chỉ khẳng định chủ quyền mà còn là niềm tự hào của mỗi người dân Ninh Bình về truyền thống văn hiến và cách mạng của vùng đất Thành Nam.

**Em có biết:** Cột cờ Nam Định được khởi dựng năm 1812 (thời vua Gia Long), có tài liệu ghi là năm 1806 (thời vua Gia Long) và năm 1833 (thời vua Minh Mạng), hoàn thành năm 1843 (thời vua Thiệu Trị). Trải qua nhiều biến cố, đặc biệt là trận ném bom huỷ diệt của không quân Mỹ năm 1972 khiến cột cờ bị sụp đổ hoàn toàn. Đến năm 1997, công trình đã phục dựng lại nguyên trạng di tích trên nền cũ nhân kỉ niệm 43 năm ngày giải phóng thành phố Nam Định.



**Hình 1.15. Toàn cảnh Cột cờ Nam Định (phường Nam Định)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

*Cột cờ Nam Định từ khi ra đời đến nay đã gắn với những mốc thời gian lịch sử nào của vùng đất Nam Định?*

### **g) Chùa Đọi Sơn**

Chùa Đọi Sơn (Long Đọi Sơn, tên chữ Diên Linh tự) hiện tọa lạc trên đỉnh núi Đọi, phường Tiên Sơn, tỉnh Ninh Bình, được xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt năm 2017. Ngôi chùa là di tích Phật giáo tiêu biểu, có lịch sử lâu đời, gắn với sự phát triển của Phật giáo thời Lý. Chùa do vua Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan chủ trì xây dựng từ năm 1054 (do tể tướng Dương Gia Đạo và thiền sư Đàm Cứu Chỉ đến trụ trì và tham gia xây dựng). Vua Lý Nhân Tông tiếp tục xây dựng phát triển và xây tháp Sùng Thiện Diên Linh từ năm 1118 đến năm 1121, “xác định phương hướng, mặt trông ra sông Kinh, lưng quay về núi Đập”.

Chùa đứng vững hơn ba trăm năm. Đầu thế kỉ XV, khi giặc Minh xâm lược nước ta, chùa và tháp đã bị phá huỷ hoàn toàn. Riêng bia Sùng Thiện Diên Linh thì không phá nổi. Cuối thế kỉ XVI, vào năm 1591, đời Mạc Mậu Hợp, nhân dân địa phương “dựng lại bia đồ, bắc lại xà nhà và những chỗ tường hư hỏng, làm cửa xây tường khiến cho sau hơn 500 năm, một nơi thắng cảnh trong chốn tùng lâm lại được mới mẻ”.

Từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, chùa nhiều lần được tu sửa. Trong kháng chiến chống Pháp, chùa bị phá dỡ một phần phục vụ tiêu thổ kháng chiến; giai đoạn 1957 – 1958, chùa được nhân dân địa phương dựng lại.

Quy mô, kiến trúc của chùa qua từng giai đoạn lịch sử:

– Thời Lý, chùa gồm nhiều công trình lớn, tập trung gối ở rừng về, thuê thợ mộc giỏi, dùng đá quý để làm đầu và dựng hiên. Đằng trước chùa là một cây tháp xây mười ba tầng chọc trời. Bên tả chùa dựng cung tứ giác, bên hữu là khám nhọn vuông, đằng trước là sân rộng có bậc thềm để lên nhà Bái Đường, hai bên là hai dãy hành lang, xung quanh xây tường bảo vệ, dựng hiên để phô trương nổi các công trình. Phía ngoài bắc cầu mở rộng đường thôn, trồng bách thành hai dãy trước cửa dẫn lên chùa. Tuy nhiên, toàn bộ kiến trúc này đã bị giặc Minh sang xâm lược nước ta tàn phá.

– Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, chùa có trên một trăm gian, được xây theo kiểu nội công ngoại quốc. Khu di tích này bao gồm một chùa chính với nhà tiền đường, thiên hương và thượng điện. Hai bên có dãy hành lang với 18 gian thờ thập bát La Hán. Từ cổng tả môn, hữu môn lên sân toà Bái Đường có hai dãy tả vu, hữu vu, bên trong đặt sáu pho tượng Kim Cương thời Lý, trên tường đắp nổi trang trí phù điêu sự tích về nhà Phật và thập điện. Phía sau là nhà tổ, nhà khách và nơi ở của các nhà sư trụ trì. Trước chùa có nhiều bia lớn to và đẹp, trong đó giá trị nhất là bia Sùng Thiện Diên Linh. Phía Tây là khu lăng mộ của các vị sư tổ có công trụ trì, xây dựng chùa.

– Chùa được xây dựng trên đỉnh núi cao, hiện nay chùa có 17 đơn nguyên kiến trúc lớn nhỏ trong khuôn viên với diện tích khoảng 2 ha. Từ chân núi, qua 373 bậc thang bằng đá sê, đá phiến, có bóng cây che mát lối lên chùa. Qua cổng chính là nhà che bia, sân chùa, hai bên sân chùa có hai dãy thập điện. Đi hết sân là bậc tam cấp dẫn lên tam bảo cùng hành lang và thập bát La Hán. Phía sau điện tam bảo là nhà hậu điện thờ Mẫu, vua Lý Thánh Tông, vua Lý Nhân Tông, Nguyên Phi Ý Lan; kế đó là nhà Tổ, thờ các vị sư đã trụ trì tại chùa. Phía tây và tây nam của chùa là vườn tháp mộ sư, với 37 tháp mộ có nhiều kích thước khác nhau, được xây dựng trong suốt thời gian dài. Ngoài các kiến trúc chính, còn có kiến trúc phụ bao gồm: phòng khách, nhà tắm, bếp, phòng ăn,... Bên cạnh chùa còn có phủ Mẫu, phía trong là am thiền.

– Chùa Đọi Sơn hiện nay được xây dựng theo kiểu chữ đình bao gồm bảy gian tiền đường và ba gian thượng điện. Hệ thống vì kèo làm theo kiểu chồng đầu giá chiêng, cột cái đường kính 30 cm, chân kê đá cổ bông, xà và hoành vuông, mái lợp ngói ta. Xung quanh xây tường gạch, năm gian giữa nhà Tiền đường được lắp cánh cửa bức bàn bằng gỗ lim.



**Hình 1.16. Toàn cảnh chùa Đọi Sơn (phường Tiên Sơn)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*

Ngôi chùa hiện còn nhiều di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị:

– Bia Sùng Thiện Diên Linh, được khắc năm 1121, vào đời vua Lý Nhân Tông. Bia Sùng Thiện Diên Linh không chỉ có giá trị cao về mặt nội dung mà còn là tấm bia có giá trị nghệ thuật. Đây là tấm bia quý hiếm của thời Lý còn lại đến ngày nay, đã được công nhận là bảo vật quốc gia.



**Hình 1.17. Nhà bia Sùng Thiện Diên Linh  
(phường Tiên Sơn)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

**Em có biết:** “Đại Việt quốc dương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh” được khắc năm 1121 do thượng thư bộ hình Nguyễn Công Bật soạn. Tấm bia cao 2,88 m, ngang 1,40 m. Xung quanh chân bia chạm sóng nước. Giữa những lớp sóng tượng trưng cho biển cả mệnh mông ấy là một tấm bia đá to, do bốn con rồng nâng lên. Thường ở các bia đá, bao giờ cũng là rùa đội bia, nhưng ở đây là do hai đôi rồng. Trán bia ở hai mặt khắc rồng châu lá đề. Diềm bia chạm rồng uốn khúc trong những

Đọc đoạn tư liệu trên và cho biết:

1. Thời gian và nét độc đáo của Bia Sùng Thiện Diên Linh.
2. Kể tên và giới thiệu về một bảo vật quốc gia ở địa phương nơi em sinh sống (nếu có).

– Tượng Kim cương: Hiện tại còn 6 pho, đó là các thần tướng nhà trời đi hộ vệ đức Phật, tượng cao 1,60 m tương đương như một người thật. So với các di tích thời Lý còn lại thì số tượng Kim cương ở đây nhiều nhất, hoàn chỉnh nhất.

– Tượng đầu người mình chim (Ki-na-ri): mang hình tượng thần thoại trong nghệ thuật Ấn Độ – Chiêm Thành. Tượng được tác từ đá rập, cao 40 cm tạo một hình người nửa chim.

– Gốm đất nung có hình vũ nữ, gốm đất nung có trang trí hình rồng.

– Pho tượng Di Lạc bằng đồng: là pho tượng bằng đồng được đúc vào năm 1864, nặng 1.000 kg.

Lễ hội chùa Đọi Sơn diễn ra hằng năm vào ngày 21 tháng Ba âm lịch, là dịp để tưởng nhớ vua Lý Nhân Tông và cầu mong mọi sự tốt lành. Lễ hội bao gồm hai phần: phần lễ với các nghi thức dâng hương, tế lễ trang trọng; phần hội với nhiều trò chơi dân gian mang đậm nét văn hoá truyền thống Việt Nam.

Em hãy chứng minh chùa Đọi Sơn là ngôi chùa còn lưu giữ được nhiều di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị.

## 2.2. Các danh lam thắng cảnh tiêu biểu

### a) Tràng An – Tam Cốc – Bích Động

#### \* Quần thể hang động Tràng An

Quần thể hang động Tràng An bao gồm hệ thống các hang khô và hang ngập nước. Các hang động ở đây thường tập trung thành từng cụm, có liên hệ mật thiết với nhau. Trong mỗi hang, do hiện tượng hoà tan và lắng đọng của đá vôi, đã tạo nên hệ thạch nhũ muôn màu, muôn vẻ,... Hệ thống hang động ở Tràng An phổ biến nhất là hệ thống “hang sông” ngập nước thường xuyên, ngay cả trong mùa khô, với một số hang tiêu biểu như: hang Địa Linh, hang Tối, hang Sáng, hang Nấu Rượu, hang Ba Giọt,...



Hình 1.18. Một góc quần thể hang động Tràng An

(Nguồn: Ninh Mạnh Thắng)

Khu vực quần thể hang động này là địa bàn có sự hiện diện của nhiều di tích lịch sử – văn hoá, như: phủ Đột (còn gọi là đền Trình, thờ “tứ trụ triều đình” và hai vị tướng của triều Đinh là Tả Thanh Trù và Hữu Thanh Trù); đền Trần (còn có tên khác là đền Nội Lâm hoặc đền Vụng Thấm, thờ Quý Minh Đại vương); phủ Khổng, thờ vị quan triều Đinh có hiệu vị là Đinh Công Tiết chế; các di chỉ khảo cổ gồm: di chỉ hang Trống, di chỉ hang Bói, di chỉ hang Mòi,...



Hình 1.19. Hang Nấu Rượu  
(phường Tây Hoa Lư)

(Nguồn: Trung Nguyễn Hữu)

**Em có biết:** Tên gọi là “Hang Nấu Rượu” vì tương truyền trong hang có mạch nước ngầm sâu hơn 10 m, là nơi xưa kia dùng để lấy nước nấu rượu tiến vua. Hang có độ dài khoảng 250 m, có vòm cao, không khí thoáng và mát mẻ, dòng nước trong lành, có thể đi lại bằng thuyền nan thuận tiện. Ngày nay, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều bình, vại và các dụng cụ để nấu rượu trong khu vực hang này.

1. Kể tên những di tích lịch sử – văn hoá trong quần thể hang động Tràng An.
2. Trình bày giá trị lịch sử, văn hoá của một di tích mà em ấn tượng nhất.

**\* Thắng cảnh Tam Cốc**

Thắng cảnh Tam Cốc tọa lạc ở phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Tam Cốc có nghĩa là ba hang, gồm hang Cả, hang Hai và hang Ba. Giống như xuyên thủy động, dòng sông Ngô Đồng xuyên ngầm qua ba hang lớn trong khoảng cách gần nhau, tạo nên một kì quan của tạo hoá.



**Hình 1.20. Đường vào Tam Cốc  
(phường Nam Hoa Lư)**

(Nguồn: Ninh Mạnh Thắng)



**Hình 1.21. Hang Cả  
(phường Nam Hoa Lư)**

(Nguồn: Xuân Lâm)

Hang Cả, còn được gọi là hang Ngoài hoặc hang Lớn. Đây là hang có nhiều nhũ đá đẹp. Do có vòm hang cao, nên vào mùa lũ, nước hầu như không lên tới trần hang và không bào mòn các nhũ đá, bởi vậy trong hang có nhiều nhũ đá hơn hẳn hai hang còn lại.

Hang Hai, còn được gọi là hang Giữa hoặc hang Trung. Miệng hang phía ngoài rộng, phần giữa của hang hơi thắt lại. Trần hang có nhiều hình nhũ đá rất đẹp.

Hang Ba, còn được gọi là hang Bé. Miệng hang phía ngoài rộng, phía trong hơi loe ra. Hang thường xuyên bị ngập nước khi mưa nhiều, dẫn đến các nhũ đá bị bào mòn, nhiều chỗ thành vệt nhẵn.

Theo sách *Thái Vi quốc tế ngọc kí* (viết trong tập *Trần Gia ngọc phả*, lập năm Cảnh Thịnh thứ 5 (1667), sao lại vào năm Bảo Đại thứ 3 (1924) lưu tại Bảo tàng Ninh Bình), Trần Thái Tông là người đầu tiên phát hiện ra thắng cảnh Tam Cốc, cũng là người thấy được địa thế hiểm yếu của vùng núi non hang động này. Trong lịch sử, Tam Cốc là nơi thuộc căn cứ địa Trường Yên của nhà Trần trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (thế kỉ XIII). Nhiều khu vực của Tam Cốc đã từng là chỗ dựa vững chắc cho lực lượng kháng chiến trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954).

Trình bày những giá trị tiêu biểu của thắng cảnh Tam Cốc.

### \* **Chùa và động Bích Động**

Di tích chùa và động Bích Động thuộc phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, được mệnh danh là “Nam thiên đệ nhị động”. Di tích là sự kết hợp hài hoà giữa cảnh đẹp kì thú của hang động, núi non với sự tài hoa, khéo léo của con người.



**Hình 1.22. Chùa và động Bích Động  
(phường Nam Hoa Lư)**

(Nguồn: Xuân Lâm)

Các kiến trúc ở đây chủ yếu dựa vào vách đá, hang động, tạo thành một khối thống nhất, vững chắc. Toàn cảnh chùa được bố cục theo kiểu “tam toà”: phía dưới là chùa Hạ, tiếp đến là chùa Trung, trên cùng là chùa Thượng.

Theo văn bia ở chùa, sử sách và truyền thuyết dân gian, trước đây chùa và động cùng có tên gọi là Bích Sơn. Chùa được khởi dựng từ thời Lê Trung hưng, gắn liền với tên tuổi của các vị sư trụ trì là Trí Kiên và Trí Thê. Năm Giáp Ngọ (1774), khi tuần hành qua đây, chúa Trịnh Sâm đã giao cho Nguyễn Nghiễm giám sát phường thợ làm rỗng rã trong tám tháng để khắc lên vách đá 2 chữ “Bích Động”. Chữ được viết theo lối đại tự, chân phương, khuôn chữ dài 1,5 m, rất sắc nét. Từ đó tên chùa cũng được gọi theo là Bích Động.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 – 1954), Bích Động từng là một khu căn cứ quan trọng. Tại đây, Công binh xưởng Phan Đình Phùng đã được thành lập để sản xuất vũ khí. Chùa và động còn là nơi chứa lương thực, in tài liệu tuyên truyền, đồng thời là địa điểm huấn luyện chiến đấu của bộ đội, du kích địa phương.

Với những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học và thẩm mỹ đặc biệt, danh lam thắng cảnh Tràng An – Tam Cốc – Bích Động đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2012.

Vì sao di tích lại có tên là Bích Động? Trình bày những giá trị nổi bật của di tích.

### b) Núi Non Nước

Núi Non Nước có tên cổ là Dục Thuý Sơn, nghĩa là “con chim trả tắm bên dòng sông nước bạc”. Núi nằm ở vị trí ngã ba sông, giao giữa sông Vân với sông Đáy, thuộc địa bàn phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Núi Non Nước không chỉ nổi bật bởi vẻ đẹp sơn thủy hữu tình mà còn là một địa danh giàu giá trị lịch sử – văn hoá, mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc.

Thời Lý, vào đời Quảng Hựu (1085 – 1091) chùa, tháp được xây dựng tại núi Non Nước. Sang thời nhà Trần, niên hiệu Khai Hựu – Thiệu Phong (1329 – 1357), thiền sư Trí Nhu (đệ tử đắc pháp của Pháp Loa) trùng tu tháp, gọi tên là Linh Tế; Trương Hán Siêu soạn bài kí khắc vào tháp. Như vậy, núi Non Nước gắn liền với sự phát triển của Phật giáo, đặc biệt là thiền phái Trúc Lâm.

Nằm bên núi có chùa Non Nước cổ kính và đền thờ danh sĩ Trương Hán Siêu đời Trần, một danh nhân của vùng đất Ninh Bình. Trương Hán Siêu được coi là người có công đầu phát hiện và khai thác vẻ đẹp của núi Non Nước.

Ông là người đầu tiên lưu bút tích một bài thơ khắc vào núi đá, cũng là bài thơ “đặt tên” cho ngọn núi này (Dục Thuý sơn). Từ hàng trăm năm trước, núi Non Nước là nơi thường ngoạn và đề thơ của nhiều vị vua, danh nhân, thi sĩ nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông,... Hiện nay, với hơn 40 bài thơ còn lưu lại trên vách đá của các danh nhân, núi Non Nước còn được coi là “núi Thơ”, là một “bảo tàng” thơ bằng đá độc nhất vô nhị ở Việt Nam.



**Hình 1.23. Núi Non Nước (phường Hoa Lư)**

(Nguồn: Đào Minh Tiến)



**Hình 1.24. Một số bài thơ khắc trên vách núi Non Nước (phường Hoa Lư)**

(Nguồn: Hoàng Thị Thủy)

Núi Non Nước gắn với nhiều sự kiện lịch sử của đất nước qua các giai đoạn khác nhau. Năm 968, vua Đinh Tiên Hoàng cho xây đồn lũy trên núi như một tiền đồn để bảo vệ kinh đô Hoa Lư. Năm 1929, người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi Lương Văn Tuy đã cắm cờ búa liềm trên núi với hàng chữ: “Ủng hộ Xô Nga – Xô Nga vạn tuế”.

Ngày nay, trên núi Non Nước vẫn còn lộ cốt với vết tích của bom đạn thời chiến tranh, có tượng anh hùng Lương Văn Tuy như minh chứng cho tinh thần quật cường của nhân dân địa phương trong lịch sử giữ nước, bảo vệ quê hương.

Với những giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, núi Non Nước đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng là Di tích quốc gia đặc biệt vào năm 2019.

*Bằng những sự kiện lịch sử gắn liền với lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XX, hãy chứng minh giá trị lịch sử của di tích núi Non Nước.*

### ***c) Quần thể danh thắng Tam Chúc***

Quần thể danh thắng Tam Chúc là danh thắng tiêu biểu, đặc sắc của tỉnh Ninh Bình, có giá trị nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, lịch sử – văn hoá và khảo cổ học. Danh thắng có quy mô bảo vệ khoảng 4.000 ha, bao trùm vùng rừng núi phường Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình. Đây là một cảnh quan karst đá vôi nhiệt đới hình thành qua hàng triệu năm kiến tạo địa chất, tạo nên vẻ đẹp nguyên sơ với hàng trăm ngọn núi tháp, hang động, suối ngầm, bòn trũng và hệ rừng tự nhiên phong phú như núi Thất Tinh, hang cổ sinh Lôgi, Thung Vạc, hồ Tam Chúc (hồ Lục Nhạc),...



**Hình 1.25. Toàn cảnh quần thể danh thắng Tam Chúc (phường Tam Chúc)**

*(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)*

Tam Chúc mang tính đại diện cho các quá trình sinh thái và sinh vật trong tiến hoá, là nơi cư trú của nhiều hệ sinh thái trên cạn và nước ngọt, có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Đặc biệt, khu vực này là nơi sinh sống của quần thể Voọc mông trắng – loài linh trưởng quý hiếm bậc nhất thế giới với hơn 100 cá thể, cùng hàng trăm loài động vật khác, trong đó có 24 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam và thế giới.



**Hình 1.26. Voọc mông trắng tại vùng núi Tam Chúc (phường Tam Chúc)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

Bên cạnh giá trị thiên nhiên, Tam Chúc còn là một vùng đất cổ có bề dày lịch sử lâu đời: có nhiều di tích quan trọng như đình Tam Chúc, chùa Tam Chúc cổ; đền Mẫu; đền Giếng. Tại đó, thờ nhiều nhân nhân vật như: Đình Tiên Hoàng và Hoàng hậu Dương Thị Nguyệt, Lý Quốc Sư, Phật hoàng Trần Nhân Tông,... Các cuộc điều tra, khảo sát của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng tỉnh Hà Nam (cũ) vào năm 2023 đã phát hiện khoảng 15 địa điểm khảo cổ học tại các hang động, mái đá và chân núi. Nhiều di tích thuộc văn hoá Hoà Bình có niên đại từ cuối thời kì đồ đá cũ đến đầu đồ đá mới như Hang Đội 4, Hang Tổ 8, mái đá Mỏ Sét; các di tích giai đoạn Đá mới – văn hoá Đa Bút và dấu ấn văn hoá Đông Sơn đã chứng minh Tam Chúc là nơi con người cư trú liên tục từ rất sớm.



**Hình 1.27. Lễ hội chùa Tam Chúc (phường Tam Chúc)**

(Nguồn: Bảo tàng Ninh Bình)

Song song với các giá trị vật thể, Tam Chúc còn lưu giữ nhiều giá trị văn hoá phi vật thể gắn với tín ngưỡng dân gian và Phật giáo qua các triều đại lịch sử. Lễ hội Tam Chúc là lễ hội vùng tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình, gồm lễ hội làng Tam Chúc (tháng 11 âm lịch) và lễ hội chùa Tam Chúc – lễ hội Xuân (ngày 12 tháng Giêng). Các nghi lễ truyền thống cùng các hoạt động văn hoá dân gian đã thể hiện đậm nét bản sắc văn hoá cộng đồng cư dân đồng bằng Bắc Bộ.

Với những giá trị nổi bật về thiên nhiên, lịch sử và văn hoá, quần thể Danh thắng Tam Chúc được định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia, gắn bảo

tồn di sản với phát triển bền vững, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử – văn hoá và quảng bá hình ảnh tỉnh Ninh Bình đến với nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế. Năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định xếp hạng quần thể Tam Chúc là Di tích quốc gia đặc biệt.

*Trình bày những giá trị nổi bật của quần thể danh thắng Tam Chúc.*

Qua tìm hiểu các di tích tiêu biểu, có thể thấy di sản lịch sử – văn hoá tỉnh Ninh Bình vô cùng đa dạng, từ các công trình kiến trúc tín ngưỡng dân gian đến các biểu tượng lịch sử. Mỗi di tích là một câu chuyện độc đáo, góp phần làm nên bức tranh văn hoá phong phú của quê hương. Mỗi ngôi chùa, ngôi đền, ngọn tháp hay cột cờ đều là những pho sử bằng đá gạch, gỗ, ghi dấu sự bền bỉ và tài hoa của các thế hệ đi trước. Việc hiểu đúng giá trị của di tích là nền tảng để các em hình thành tình yêu quê hương và lòng tự hào dân tộc.

**Em có biết:** Ngày nay, công nghệ 4.0 đã được ứng dụng mạnh mẽ trong việc bảo tồn di tích tại tỉnh Ninh Bình. Nhiều di tích đã được thực hiện “số hoá” bằng công nghệ thực tế ảo (VR) 360°, cho phép các em “tham quan” đền đài, hang động ngay tại lớp học. Các em cũng có thể sử dụng mã QR để truy cập thông tin thuyết minh tự động khi đến thăm các điểm di sản này đấy!

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mỗi học sinh cần trở thành một “đại sứ văn hoá”, không chỉ bảo vệ sự nguyên vẹn của di tích mà còn lan toả những câu chuyện lịch sử hào hùng của Ninh Bình đến với bạn bè muôn phương.

### C. LUYỆN TẬP

#### 1. Lập bảng thống kê di tích địa phương

Hoàn thành bảng thống kê các di tích lịch sử – văn hoá trên địa bàn nơi em sinh sống theo mẫu sau:

STT	Tên di tích	Địa điểm (xã/phường)	Loại hình (lịch sử/kiến trúc/khảo cổ,...)	Xếp hạng (xấp tỉnh/quốc gia/quốc gia đặc biệt/thế giới,...)	Trạng thái bảo tồn (tốt/đang xuống cấp,...)
1	?	?	?	?	?
2	?	?	?	?	?
3	?	?	?	?	?
...	?	?	?	?	?

## 2. Nhận diện kiến thức (đúng/sai)

Em đọc kĩ các phát biểu dưới đây và đánh dấu (X) vào cột tương ứng. Nếu phát biểu sai, giải thích ngắn gọn lí do.

STT	Phát biểu	Đúng	Sai	Giải thích (nếu sai)
1	Tỉnh Ninh Bình có 10 di tích quốc gia đặc biệt.			
2	Phủ Dầy là trung tâm thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt.			
3	Đền Cồ Trạch thuộc khu di tích đền Trần là nơi thờ 14 vị vua nhà Trần.			
4	Cột cờ Nam Định được xây dựng lần đầu tiên vào thời vua Thiệu Trị.			
5	Tính đến năm 2025, Tràng An là một trong những di sản hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam được UNESCO công nhận.			
6	Đền Trần Thương gắn liền với truyền thuyết kho lương của vương triều nhà Đinh.			
7	Cố đô Hoa Lư là kinh đô của Việt Nam dưới hai triều đại là Ngô và Đinh.			
8	Tám bia Sùng Thiện Diên Linh ở chùa Đọi Sơn được công nhận là Bảo vật quốc gia.			
9	Quần thể danh lam thắng cảnh Tam Chúc từng được lựa chọn là nơi tổ chức Đại lễ Vesak.			
10	Núi Non Nước nằm bên sông Hoàng Long, còn có tên gọi khác là Dục Thúy Sơn.			

## D. VẬN DỤNG

### 1. Dự án học tập: “Hướng dẫn viên du lịch tài năng”:

– Nhiệm vụ: Em hãy làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, lựa chọn một di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu ở địa phương (hoặc đã học trong bài) và thiết kế một sản phẩm truyền thông để giới thiệu di tích đó đến du khách.

– Hình thức sản phẩm (gợi ý):

+ Video ngắn (3 – 5 phút): Giới thiệu về di tích (thực hiện quay phóng sự tại hiện trường hoặc ghép tranh ảnh phối hợp với lời thuyết minh truyền cảm...)

+ Infographic (đồ hoạ thông tin): Tóm tắt các giá trị cốt lõi của di tích (tên di tích, vị trí, lịch sử, điểm độc đáo kiến trúc và lời mời gọi tham quan,...).

+ Poster/tờ rơi: Quảng bá du lịch cho di tích (thiết kế ấn phẩm có hình ảnh đẹp, cung cấp các thông tin cần thiết về tuyến đường đi và các lưu ý khi tham quan...)

– Yêu cầu:

+ Nội dung: Thông tin chính xác, đầy đủ về lịch sử, văn hoá, kiến trúc.

+ Hình thức: Hấp dẫn, sáng tạo, có tính thẩm mỹ cao.

+ Hiệu quả: Có khả năng thu hút sự quan tâm và quảng bá tốt hình ảnh của di tích; có thông điệp kêu gọi mọi người cùng chung tay bảo vệ di sản.

## 2. Viết báo cáo thực trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn di tích

Viết một bài báo cáo ngắn (khoảng 300 – 500 từ) về thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị của một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương mà em biết. Trong báo cáo, cần nêu rõ những mặt đã làm được và những hạn chế còn tồn tại trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích. Từ đó, hãy đề xuất các giải pháp cụ thể mà theo em là khả thi để bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị của di tích đó.